

Số: 6694/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh,  
thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/10.000.**

**Địa điểm: Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh – thành phố Hà Nội tỷ lệ 1/10.000;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội tại Tờ trình số ~~3066~~../TTr-QHKT-P3-P7 ngày ~~30~~../~~9~~../2014 và công văn số ~~4968~~./QHKT-P3 ngày ~~14~~../11/2014.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/10.000 với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/10.000.

Địa điểm: Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2. Phạm vi, thời hạn lập quy hoạch:

- Phạm vi: Gồm toàn bộ diện tích theo địa giới hành chính huyện Mê Linh.

- Thời hạn: Định hướng đến năm 2030.

3. Tính chất, mục tiêu:

a) Tính chất:

Huyện Mê Linh là khu vực phát triển đô thị dịch vụ ở cửa ngõ phía Tây Bắc thành

phổ gắn với vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp dịch vụ thân thiện môi trường; vành đai xanh, nêm xanh của thành phố; đô thị công nghiệp sạch đa ngành; nơi tập trung các công trình đầu mối giao thông (đường bộ, đường sắt); trung tâm thương mại, dịch vụ, y tế cấp vùng phía Bắc Hà Nội.

b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của huyện, khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

- Khai thác và phát huy tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý, hạ tầng và tài nguyên của huyện cũng như những thuận lợi từ bên ngoài nhằm đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội theo hướng bền vững. Xây dựng huyện Mê Linh trở thành vùng đô thị dịch vụ công nghiệp phía Tây Bắc của đô thị trung tâm Hà Nội là vùng đô thị xanh với đặc trưng là các đô thị hoa, vùng trồng hoa và nông nghiệp công nghệ cao.

- Làm cơ sở tổ chức lập các quy hoạch và dự án đầu tư; Kiểm soát phát triển và quản lý đô thị, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

4. Các chỉ tiêu phát triển huyện Mê Linh:

a) Quy mô dân số:

Dự báo quy mô dân số dự báo tối đa đến năm 2030 khoảng 460.000 người, trong đó: Dân số đô thị: 300.000 người; Dân số nông thôn: 160.000 người (11 xã).

b) Quy mô đất đai:

Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch (toàn bộ địa giới hành chính của huyện Mê Linh) khoảng 14.131,91ha, bao gồm:

- Đất tự nhiên đô thị khoảng 6.327,61ha (chiếm khoảng 44,78% diện tích đất tự nhiên), trong đó: Đất xây dựng đô thị khoảng 6.244,53ha, chỉ tiêu khoảng 208,69m<sup>2</sup>/người; Đất ngoài phạm vi xây dựng đô thị có diện tích đất khoảng 83,08ha.

- Đất tự nhiên nông thôn khoảng 7.804,3ha (chiếm khoảng 55,22% diện tích đất tự nhiên), trong đó: Đất phục vụ đô thị khoảng 231,23ha; Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn khoảng 1.500,69ha, chỉ tiêu khoảng 93,6m<sup>2</sup>/người; Đất khác khoảng 6.072,38 ha.

**Bảng tổng hợp cơ cấu quy hoạch sử dụng đất huyện Mê Linh đến năm 2030**

TT	Hạng mục sử dụng đất	Năm 2030		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
	<b>TỔNG ĐẤT TỰ NHIÊN HUYỆN Mê LINH (A+B)</b>	<b>14.131,91</b>	<b>100,00</b>	
<b>A</b>	<b>ĐẤT TỰ NHIÊN ĐÔ THỊ (A.1+A.2) (*)</b>	<b>6.327,61</b>	<b>44,78</b>	
<b>A.1</b>	<b>Đất xây dựng đô thị (I+II+III)</b>	<b>6.244,53</b>	<b>44,19</b>	<b>208,69</b>
<b>I</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>4.129,77</b>	<b>29,22</b>	<b>138,01</b>
1	Đất khu ở	2.969,46		99,24
2	Đất công cộng, hỗn hợp đô thị	243,77		8,15
3	Đất cây xanh TĐTT đô thị	737,24		24,64
4	Đất giao thông đô thị	179,30		5,99
<b>II</b>	<b>Các loại đất khác trong phạm vi dân dụng</b>	<b>155,90</b>	<b>1,10</b>	



TT	Hạng mục sử dụng đất	Năm 2030		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
1	Đất cơ quan, viện nghiên cứu, trường đào tạo	122,57		
2	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích	33,33		
<b>III</b>	<b>Đất xây dựng ngoài phạm vi dân dụng</b>	<b>1.958,86</b>	<b>13,86</b>	
1	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	615,27		
2	Đất an ninh quốc phòng	0,81		
3	Đất giao thông đối ngoại	134,97		
4	Đất cây xanh cách ly, sinh thái	1.168,11		
5	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	39,70		
<b>A.2</b>	<b>Đất ngoài phạm vi xây dựng đô thị</b> (Bao gồm: Đất nông nghiệp, đất xây dựng điểm dân cư nông thôn...)	<b>83,08</b>	<b>0,59</b>	
<b>B</b>	<b>ĐẤT TỰ NHIÊN NÔNG THÔN</b> (B.1+B.2+B.3)	<b>7.804,30</b>	<b>55,22</b>	
<b>B.1</b>	<b>Đất phục vụ đô thị</b>	<b>227,78</b>	<b>1,61</b>	
1	Đất giao thông đối ngoại	104,56		
2	Đất công cộng	14,85		
3	Đất du lịch (khu du lịch đồi 79 mùa xuân)	75,37		
4	Đất đầu mối HTKT	10,00		
5	Đất nghĩa trang (nghĩa trang Thanh Tước)	23,00		
<b>B.2</b>	<b>Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn</b>	<b>1.732,30</b>	<b>12,26</b>	<b>108,05</b>
1	Đất khu dân cư	1.034,97		64,55
2	Đất công trình công cộng	58,13		3,63
3	Đất cụm đổi mới	31,00		1,93
4	Đất cây xanh, TĐTT	136,30		8,50
5	Đất giao thông nông thôn	271,29		16,92
6	Đất phục vụ nhu cầu địa phương (**)	200,61		12,51
<b>B.3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>5.844,22</b>	<b>41,35</b>	
1	Đất lâm nghiệp	3,11		
2	Đất nông nghiệp	5.354,62		
3	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng	39,59		
4	Đất an ninh quốc phòng	27,50		
5	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích	2,00		
6	Đất nhà tang lễ, nghĩa trang nhân dân	20,08		
7	Đất dự án đặc biệt trong hành lang xanh, vành đai xanh (***)	397,32		

(\*) Đất tự nhiên đô thị: Thực hiện theo các quy hoạch phân khu đô thị N1, N2, N3, N4, GN, GN(C), phân khu sông Hồng và quy hoạch chung thị trấn Kim Hoa được duyệt.

(\*\*) Đất phục vụ nhu cầu địa phương: đất đấu giá, đất di dân tái định cư (khu vực nằm trong chi giới thoát lũ, các dự án khác...), đất hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của địa phương...

(\*\*\*) Đất dự án đặc biệt trong hành lang xanh, vành đai xanh: dự án trong HLX khu vực nông thôn: Khu đô thị BMC; Khu ở Phương Viên; Khu ĐT mới Việt Á, dự án tại xã Tiên Thắng và xã Tự Lập (thực hiện theo dự án riêng).



## 5. Định hướng tổ chức phát triển không gian:

### a) Định hướng chung:

Huyện Mê Linh được định hướng phát triển không gian thành 02 vùng chính:

- Vùng đô thị: thuộc khu đô thị Mê Linh – Đông Anh của đô thị trung tâm (thuộc phân khu đô thị N1, N2, N3, N4, GN, GN(C), phân khu sông Hồng) và thị trấn Kim Hoa. Vị trí nằm ở phía Đông của huyện.

- Vùng nông thôn: thuộc hành lang xanh của Thành phố (bao gồm 11 xã), nằm ở phía Tây của huyện Mê Linh.

Trên cơ sở cấu trúc không gian tự nhiên của huyện và hệ khung giao thông chính, huyện Mê Linh được phân chia thành 07 khu vực kiểm soát phát triển tương ứng với vai trò tính chất của mỗi khu vực:

- Khu vực phát triển đô thị (khu vực 1): Diện tích tự nhiên khoảng 2.729 ha, dân số dự kiến năm 2020 khoảng 154.700 người, đến năm 2030 khoảng 208.000 người. Tổ chức trung tâm khu đô thị (tại khu vực Trung tâm hành chính mới của huyện; tại nút giao đường vành đai 3,5 với đường trục đô thị Mê Linh 100m và tại nút giao đường vành đai 3,5 với tuyến đường đô thị mặt cắt ngang 48m), tổ chức các khu ở và đơn vị ở phù hợp với các đồ án quy hoạch phân khu đô thị N1, N3, N4 đã được duyệt.

- Khu vực phát triển công nghiệp (khu vực 2): Diện tích tự nhiên khoảng 703 ha, dân số dự kiến năm 2020 khoảng 2.000 người, đến năm 2030 khoảng 2.000 người. Là khu công nghiệp Quang Minh, được xác định là động lực chính để phát triển khu vực đô thị huyện Mê Linh. Khu vực thực hiện theo quy hoạch phân khu đô thị N2 đã được duyệt.

- Khu vực sản xuất nông nghiệp (khu vực 3): Diện tích tự nhiên khoảng 4.957ha, dân số dự kiến năm 2020 khoảng 100.400 người, đến năm 2030 khoảng 121.000 người. Là khu vực nghiên cứu nhân giống trồng hoa và rau sạch, chuyên canh sản xuất nông nghiệp (lúa, hoa màu, rau an toàn) chất lượng, năng suất cao tại các xã nằm trong khu vực: Tam Đồng, Liên Mạc, Thạch Đà, Chu Phan, Tiến Thắng, Tự Lập, Vạn Yên, Liên Mạc, Tiến Thịnh. Hình thành Cụm đổi mới Tam Đồng (khu dịch vụ tổng hợp) tại xã Tam Đồng nhằm hỗ trợ, chuyển giao công nghệ, cung cấp, sửa chữa máy móc sản xuất, kho chứa hàng hóa và các dịch vụ công cộng cho cư dân trong khu vực với quy mô diện tích khoảng 31ha.

- Khu vực thị trấn Kim Hoa (khu vực 4): là thị trấn sẽ được thành lập mới trên cơ sở một phần địa giới hành chính của xã Kim Hoa (phía Tây đường Vành đai 4) là trung tâm hành chính – chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội mới của huyện Mê Linh. Với quy mô khoảng 211,4 ha, dân số dự kiến năm 2020 khoảng 11.506 người, đến năm 2030 khoảng 12.649 người, bao gồm khu vực xây dựng đô thị và khu vực ngoài phạm vi xây dựng đô thị. Khu vực sẽ thực hiện theo quy hoạch chung thị trấn Kim Hoa được duyệt.

- Khu vực bãi sông (khu vực 5): chủ yếu phát triển nông nghiệp trồng rau, trồng hoa; bổ sung hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ khu dân cư hiện có; có giải pháp từng bước di dân ra ngoài hành lang thoát lũ; xây dựng cảng tại Văn Khê (hành khách), Chu Phan (hàng hóa)... Diện tích tự nhiên khoảng 2.615 ha, dân số dự kiến năm 2020 khoảng 35.500 người, đến năm 2030 khoảng 35.500 người. Khu vực nằm trong chỉ giới thoát lũ thực hiện theo quy định của Luật Đê điều năm 2006; Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết của từng tuyến sông có đê trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020 được Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội thông qua tại Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 và chỉ giới thoát lũ trên tuyến sông Hồng đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định 959/QĐ-UBND ngày 28/02/2011. Đối với khu vực nằm trong đô thị trung tâm (phía Đông đường Vành đai 4)



sẽ thực hiện theo quy hoạch phân khu sông Hồng được duyệt.

- Khu vực hành lang xanh, nêm xanh (khu vực 6): Diện tích tự nhiên khoảng 1.897ha, dân số dự kiến năm 2020: 42.190 người, đến năm 2030: 58.080 người. Là hệ thống cây xanh, mặt nước của đầm Và, kênh Thạch Phú, sông Cà Lồ....kết hợp với Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao của huyện. Khu vực này được xác định không gian đệm giữa các khu đô thị, không gian mở trong đô thị, góp phần cải thiện điều kiện vi khí hậu và không gian kiến trúc cảnh quan đô thị. Khu vực sẽ thực hiện theo quy hoạch phân khu đô thị GN và GN(C) được duyệt.

- Khu vực dịch vụ du lịch sinh thái (khu vực 7): Diện tích tự nhiên khoảng 888 ha, dân số dự kiến năm 2020 khoảng 13.494 người, đến năm 2030 khoảng 17.351 người. Là khu vực trung tâm du lịch phía Bắc của huyện Mê Linh, hạt nhân là khu du lịch đồi 79 Mùa Xuân.

#### b) Định hướng phát triển đô thị:

- Vùng phát triển đô thị, công nghiệp trên địa bàn huyện Mê Linh bao gồm: Khu vực phát triển đô thị (khu vực 1); Khu vực phát triển công nghiệp (khu vực 2); Khu vực thị trấn Kim Hoa (khu vực 4); phần phía Đông đường vành đai 4 của Khu vực bãi sông (khu vực 5) và Khu vực hành lang xanh, nêm xanh (khu vực 6). Khu vực sẽ thực hiện theo các quy hoạch phân khu đô thị N1, N2, N3, N4, GN, GN(C), phân khu sông Hồng và quy hoạch chung thị trấn Kim Hoa được duyệt.

- Định hướng phát triển đô thị tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

+ Phát triển đô thị khai thác hình thái, cảnh quan tự nhiên hiện có, bao gồm hệ thống mặt nước, sông hồ đầm hiện có: kênh Thạch Phú, Đầm Tiên Phong, sông Hồng. Tạo sự kết nối không gian xanh giữa khu vực hành lang xanh của Thành phố với các dải, lõi xanh trong phân khu đô thị.

+ Cấu trúc không gian đô thị được tổ chức theo các tuyến trục lõi trung tâm, đường ngang vuông góc với các tuyến giao thông chính đô thị.

+ Không gian đô thị được xác lập chủ yếu là công trình thấp tầng và trung tầng mật độ thấp.

+ Các công trình cao tầng dọc đường chính đô thị mặt cắt ngang 60-100m và tuyến đường Bắc Thăng Long Nội-Nội Bài.

+ Không gian trong các khu ở, đơn vị ở được tổ chức theo cấu trúc trục lõi trung tâm tạo được sự hài hòa giữa các công trình thương mại cao tầng, chung cư cao tầng với khu nhà ở sinh thái thấp tầng, làng xóm cũ và các công trình hạ tầng xã hội khác.

+ Đối với khu vực các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp hiện có tập trung vào việc cải tạo kiến trúc công trình, bổ sung diện tích vườn hoa cây xanh cảnh quan, đặc biệt là đối với các công trình trên các tuyến đường cấp đô thị.

+ Phát triển khu nhà ở cho công nhân tại khu công nghiệp Quang Minh I, II, đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo môi trường sống tốt cho công nhân, đóng góp vào cảnh quan khu vực.

+ Các công trình di tích đình, chùa khác được tôn tạo, quản lý về hình thức kiến trúc, chiều cao khoảng cách công trình xung quanh di tích không làm ảnh hưởng đến cảnh quan khu di tích.

+ Đối với khu vực làng xóm cũ cải tạo theo hướng tăng cường bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông, cây xanh hạ tầng xã hội, không thay đổi cấu trúc làng xóm cũ : mật độ xây dựng thấp, nhiều sân vườn, hình thức công trình kiến trúc truyền thống. Tạo ra những vùng đệm giữa khu vực phát triển đô thị mới, khu cao tầng với khu làng xóm cũ tạo



sự hài hòa chuyển đổi dần về không gian cũng như giải quyết các vấn đề về khớp nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

c) Định hướng phát triển nông thôn:

- Vùng phát triển nông thôn của huyện Mê Linh, bao gồm: Khu vực sản xuất nông nghiệp (khu vực 3); phần phía Tây đường vành đai 4 của Khu vực bãi sông (khu vực 5) và Khu vực dịch vụ du lịch sinh thái (khu vực 7).

- Định hướng phát triển nông thôn mới trên cơ sở tuân thủ Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được duyệt. Nghiên cứu, cập nhật khớp nối các quy hoạch nông thôn mới đã được duyệt, xác định theo các nguyên tắc phát triển sau:

+ Gồm các xã nằm ngoài phạm vi phát triển đô thị (Thanh Lâm, Hoàng Kim, Tam Đồng, Liên Mạc, Thạch Đà, Chu Phan, Tiến Thắng, Tự Lập, Vạn Yên, Liên Mạc, Tiến Thịnh) được định hướng phát triển theo mô hình nông thôn mới.

+ Chuyển hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp công nghệ cao, năng suất cao để phục vụ nhu cầu tại đô thị trung tâm.

+ Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng sản xuất là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong vùng nông thôn.

+ Phát triển nông thôn gắn với bảo vệ các giá trị văn hóa, cảnh quan và khắc phục các vấn đề về môi trường.

+ Hình thành cụm đổi mới thuộc xã Tam Đồng nhằm hỗ trợ về sản xuất cho vùng nông thôn có quy mô khoảng 31 ha, với các chức năng chủ yếu sau: Khu quản lý, điều hành; Khu nghiên cứu và chuyển giao công nghệ nông nghiệp; Trung tâm tín dụng nông nghiệp; Khu hội chợ sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao; Kho bảo quản; Khu các dịch vụ.

+ Hình thành khu trung tâm tại các xã với các công trình hạ tầng xã hội (trường học, trạm y tế, chợ, bưu điện, nhà văn hóa...).

+ Nghĩa trang nhân dân của các xã: sẽ được xác định trong cụ thể trong giai đoạn tiếp theo, đảm bảo khoảng cách ATVMT theo quy định. Có thể nghiên cứu quy hoạch một nghĩa trang nhân dân chung cho các xã (đối với các điểm dân cư nông thôn của 2- 3 xã gần nhau trong bán kính 3km).

6. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế:

a) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Phát huy khả năng sản xuất của các khu cụm công nghiệp hiện có trên địa bàn, phát triển hoàn chỉnh theo quy hoạch đã được duyệt các khu công nghiệp phù hợp với định hướng của huyện Mê Linh gồm: Khu công nghiệp Quang Minh 1, Quang Minh 2, khu công nghiệp Kim Hoa – Phúc Thắng; các Điểm tiểu thủ công nghiệp phân tán tại các xã nông thôn gắn với quy hoạch nông thôn mới.

- Chuyển đổi, di dời các cơ sở công nghiệp phân tán, cụm tiểu thủ công nghiệp nằm trong ranh giới phát triển đô thị sang các chức năng dịch vụ công cộng, tiện ích đô thị và nhà ở sinh thái.

- Khuyến khích xây dựng các khu cụm công nghiệp có chức năng hoàn chỉnh: có nhà ở công nhân, dịch vụ công cộng, công viên cây xanh, khu quảng bá giới thiệu sản phẩm, kho chứa hàng hóa và được quản lý chặt chẽ về mật độ xây dựng, tầng cao công trình, kiến trúc công trình, hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan, môi trường lao động.

- Thực hiện xử lý môi trường triệt để, hạn chế tối đa các nguồn thải gây ảnh hưởng tới môi trường đất, nước, không khí và tiếng ồn đối với khu vực phụ cận. Giám sát chặt việc thực hiện xử lý môi trường.



b) Thương mại – Dịch vụ:

- Xây dựng chợ đầu mối nông sản, là đầu mối phân phối nông sản của khu vực gần đường vành đai 4 tại khu vực xã Đại Thịnh với quy mô khoảng 25-30 ha.

- Phát triển một số trung tâm thương mại và hệ thống siêu thị nhỏ, cửa hàng tiện ích tại các trung tâm vùng, khu đô thị.

- Hình thành hệ thống các siêu thị, các điểm chợ gắn với các khu vực dân cư để phục vụ nhu cầu định vụ thương mại.

c) Du lịch:

- Phát triển du lịch tại chỗ kết hợp với các khu vực có tiềm năng du lịch xung quanh như Tam Đảo, Bắc Ninh, Sóc Sơn, Đông Anh, Đại Lải...

- Đẩy mạnh thế mạnh vùng trồng hoa của Mê Linh trong tổng thể quy hoạch hệ thống dịch vụ du lịch của Mê Linh trong vùng Hà Nội.

- Phát triển các loại hình du lịch có thể khai thác trên địa bàn Huyện Mê Linh: Du lịch tâm linh, Du lịch sinh thái nông nghiệp, Du lịch vui chơi - giải trí.

d) Sản xuất nông lâm ngư nghiệp:

- Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học, đặc biệt là công nghệ sinh học để nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào thiên nhiên. Đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp đủ nguồn nông sản, thực phẩm sạch cho nhu cầu tiêu dùng và công nghiệp nội huyện đồng thời một phần cung cấp cho thủ đô và ngành công nghiệp chế biến.

- Hình thành các vùng sản xuất: Trồng hoa, cây cảnh; Trồng lúa; Trồng rau; Nuôi trồng thủy sản; Chăn nuôi tập trung (mô hình trang trại). Hình thành khu nông nghiệp công nghệ cao được đề xuất tại xã Tự Lập với quy mô khoảng 120ha với tính chất: nhân giống và trồng hoa, rau sạch.

7. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội:

a) Công trình hành chính, trụ sở cơ quan:

- Trung tâm hành chính huyện Mê Linh ổn định ở vị trí như hiện nay tại xã Đại Thịnh. Bổ sung hoàn thiện các khu vực chức năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài cho khu vực chính trị-hành chính tập trung của huyện.

- Trung tâm hành chính của thị trấn Kim Hoa được bố trí tại khu hành chính công cộng mới.

- Hệ thống các trụ sở các xã hiện hữu được cải tạo nâng cấp đảm bảo phục vụ cho hoạt động hành chính trong quá trình phát triển.

b) Công trình giáo dục – đào tạo:

- Hệ thống trường đại học và đào tạo dạy nghề: xây dựng trường đại học Tài chính ngân hàng tại xã Tiên Phong; các trường đào tạo dạy nghề: Trường trung cấp nghề Hội nông dân Việt Nam, Trung tâm giáo dục thường xuyên của huyện...nhằm đáp ứng nhu cầu về lao động tay nghề cao cho địa phương.

- Hệ thống giáo dục phổ thông: thực hiện theo các quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch nông thôn mới và quy hoạch mạng lưới trường học đã được duyệt.

c) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

- Xây dựng mới bệnh viện Đa khoa thành phố 1000 giường tại xã Tam Đồng và Đại Thịnh nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế của Thủ đô, ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, góp phần giảm tải cho các cơ sở khám chữa bệnh hiện nay tại Thủ đô Hà Nội.



- Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh quy mô 200 giường tại xã Thạch Đà; Bệnh viện tại xã Tiên Phong (Bệnh viện Anh Thịnh) để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của huyện.

- Cải tạo trung tâm y tế huyện Mê Linh tại trung tâm hành chính huyện để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng và phòng chống các dịch bệnh.

- Cải tạo nâng cấp các trạm y tế hiện có tại các xã, thị trấn theo chương trình nông thôn mới để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương.

- Đẩy mạnh việc xã hội hóa, hình thành hệ thống y dược tư nhân để hỗ trợ việc khám chữa bệnh cho dân cư khu vực.

d) Công trình văn hóa, thể dục thể thao:

- Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa phù hợp với đặc điểm văn hóa tại địa phương, gắn kết, khai thác và bảo vệ các công trình di tích, lịch sử văn hóa hiện hữu. Tại khu vực đô thị phát triển mới xây dựng hệ thống công trình văn hóa hiện đại, đa chức năng phục vụ chung cho toàn huyện và các vùng phụ cận.

- Xây dựng mới Khu công viên - thể dục thể thao huyện Mê Linh tại xã Văn Khê với quy mô khoảng 120ha.

8. Định hướng an ninh, quốc phòng:

- Đảm bảo đáp ứng về mặt an ninh và phù hợp với kế hoạch phòng thủ bảo vệ Thủ đô và vùng xung quanh.

- Trong khu vực đô thị mật độ cao, tùy từng vị trí cụ thể có thể chuyển đổi thành đất an ninh quốc phòng-đô thị. Sắp xếp, nâng cấp, cải tạo chỉnh trang và giữ các quỹ đất hiện trạng khu vực an ninh quốc phòng theo quy hoạch chuyên ngành an ninh quốc phòng.

9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

Các tuyến giao thông đối ngoại của Quốc gia, thành phố và đường tỉnh: tuân thủ đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đã được phê duyệt và Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đang nghiên cứu.

- Đường bộ:

+ Vành đai 4: thực hiện theo Quy hoạch chi tiết đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội, đoạn phía Nam quốc lộ 18 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 29/7/2011: cấp hạng là cao tốc loại A, quy mô mặt cắt ngang B = 120m (6 làn cao tốc và đường gom đô thị song hành hai bên).

+ Đường Bắc Thăng Long – Nội Bài: cấp hạng là cao tốc đô thị, quy mô mặt cắt ngang đoạn tuyến qua phạm vi huyện Mê Linh rộng B = 68-120m (4-6 làn cao tốc và đường gom đô thị song hành hai bên).

+ Đường Vành đai 3,5: cấp hạng là đường trục chính đô thị, quy mô mặt cắt ngang rộng B = 60m (6 làn xe chạy chính và 4 làn đường gom địa phương ở hai bên), dọc theo dải phân cách giữa có bố trí tuyến đường sắt đô thị số 7.

+ Đường Vành đai 3 Bắc Sông Hồng: cấp hạng là đường trục chính đô thị, quy mô mặt cắt ngang điển hình rộng B = 68m (10-12 làn xe). Đoạn tuyến ngoài phạm vi phát triển đô thị xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng (4 làn xe).

+ Trục trung tâm Mê Linh: kết nối huyện Mê Linh với thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đoạn tuyến trong khu vực phát triển đô thị là đường trục chính đô thị, quy mô mặt cắt ngang rộng B = 100m (10-12 làn xe), đoạn ngoài phạm vi đô thị xây dựng theo tiêu chuẩn đường ô tô cấp I đồng bằng (quy mô mặt cắt ngang B = 100m, 6 làn xe



và đường gom địa phương hai bên).

+ Quốc lộ 23B: đoạn tuyến ngoài phạm vi phát triển đô thị xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, bề rộng nền B = 12m (2 làn xe); đoạn tuyến trong phạm vi đô thị thực hiện theo các đồ án quy hoạch phân khu được duyệt.

+ Các tuyến đường tỉnh 308, 312, đường đê sông Hồng nằm ngoài phạm vi phát triển đô thị: nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, bề rộng nền B = 12m (2 làn xe).

- Giao thông tỉnh: Xây dựng 01 trung tâm tiếp vận quy mô khoảng 10ha kết hợp với ga Mê Linh của tuyến đường sắt vành đai phía Tây. Xây dựng 01 bến xe khách tại khu vực xã Tam Đồng, giáp tuyến đường trục trung tâm Mê Linh, quy mô khoảng 5ha.

- Giao thông công cộng: xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 6 đi nối dọc theo đường Bắc Thăng Long – Nội Bài; tuyến đường sắt đô thị số 7 đi dọc theo đường Vành đai 3,5; Xây dựng 01 depot của tuyến đường sắt đô thị số 7 tại khu vực xã Thanh Lâm, quy mô khoảng 15ha. Xây dựng tuyến monorail (tàu điện một ray) dọc theo tuyến đường trục trung tâm khu đô thị mới Mê Linh, depot bố trí tại khu vực xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, quy mô dự kiến khoảng 7-10ha.

- Giao thông cấp huyện:

+ Giao thông đô thị: mạng lưới giao thông đô thị (đường giao thông, bãi, điểm đỗ xe công cộng ...) tuân thủ các đồ án quy hoạch phân khu đô thị đã được UBND Thành phố phê duyệt: phân khu N1 (Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013), phân khu N2 (Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 21/02/2013), phân khu N3 (Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 21/02/2013), phân khu N4 (Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 22/10/2012) và quy hoạch phân khu GN đang trình duyệt.

+ Giao thông nông thôn: định hướng 100% các tuyến huyện lộ, đường liên xã đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng trở lên, bề rộng nền B ≥ 9m (2 làn xe); những đoạn tuyến qua khu vực dân cư, thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, mặt cắt ngang 13-17m, mặt đường 7m; Cứng hóa 100% các tuyến đường trục thôn, trục xã; 70% các tuyến đường nội đồng để đáp ứng nhu cầu đi lại và hoạt động sản xuất của nhân dân.

- Nút giao thông chính:

+ Nút giao giữa đường cao tốc, cao tốc đô thị với đường trục chính đô thị thiết kế theo hình thức khác cốt liên thông hoặc bán liên thông.

+ Nút giao giữa đường bộ với đường sắt, giữa các tuyến đường trục chính đô thị với các tuyến đường đô thị cấp thấp hơn áp dụng thiết kế theo hình thức khác cốt dạng trục thông (hầm hoặc cầu vượt). Chỉ cho phép giao nhập, rẽ phải tại nút giao giữa các tuyến đường cấp khu vực trở xuống vào đường trục chính đô thị.

- Đường sắt:

+ Về tuyến: nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai thành đường đôi khổ 1435mm. Tuyến đường sắt vành đai phía Tây Thủ đô chạy dọc theo hành lang đường Vành đai IV, kết nối với tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai. Vị trí hướng tuyến cụ thể sẽ được xác định chính thức trong quá trình lập dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Về nhà ga: ga Thạch Lỗi hiện có nâng cấp thành ga trung gian lập tàu hàng, phục vụ chủ yếu cho khu công nghiệp Quang Minh, quy mô dự kiến khoảng 4-5ha (cụ thể sẽ được xem xét trong đồ án Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Xây dựng ga Mê Linh trên tuyến đường sắt Vành đai phía Tây, quy mô khoảng 9ha tại vị trí kết nối tuyến với tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai.



- Đường thủy: Tuyến sông Hồng là sông cấp II, sông Cà Lồ là sông cấp V. Cải tạo, nâng cấp bến phà Chu Phan trên sông Hồng thành cảng hàng hóa, công suất đến năm 2020 đạt 500.000 tấn/năm, giai đoạn 2030 – 2050 đạt 800.000 tấn/năm, cỡ tàu 800 tấn; xây dựng mới cảng hành khách Văn Khê tại khu vực xã Văn Khê phục vụ nhu cầu đi lại và du lịch của khu vực.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Hệ thống thoát nước mưa hỗn hợp (cống thoát kết hợp hồ điều hòa); chủ yếu là thoát nước riêng tự chảy với chu kỳ tính toán từ 2 - 5 năm. Các tuyến cống thoát nước mưa phải đảm bảo thoát nước mặt cho khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.

+ Hướng thoát nước tự chảy và cưỡng bức ra sông Hồng, sông Cà Lồ, đầm Và, đầm Tiên Phong. Khu vực nghiên cứu được chia thành 3 vùng tiêu chính:

\* Vùng tiêu 1: Nằm ở phía Tây Bắc huyện Mê Linh, diện tích: 7974ha. Bao gồm xã Tiến Thắng, Tự Lập, xã Thanh Lâm, xã Chu Phan, xã Tiến Thịnh, xã Vạn Yên, xã Liên Mạc, xã Thạch Đà, xã Văn Khê, xã Tráng Việt, xã Tam Đông, 1 phần xã Mê Linh. Hướng thoát nước chính về sông Cà Lồ và sông Hồng theo chế độ tự chảy và bơm cưỡng bức qua trạm bơm Thường Lệ 1,2, trạm bơm Văn Khê và hệ thống hồ điều hòa. Chia thành 3 lưu vực: Lưu vực 1 bao gồm các xã Tiến Thắng, Tự Lập, Thanh Lâm và 1 phần xã Tam Đông có diện tích 2050Ha, hướng thoát về kênh tiêu Tam Báo. Lưu vực 2 bao gồm các xã Chu Phan, xã Tiến Thịnh, xã Vạn Yên, xã Liên Mạc, xã Thạch Đà, xã Văn Khê, xã Tráng Việt và 1 phần xã Tự Lập, xã Tam Đông, xã Mê Linh, có diện tích 4500ha, hướng thoát về kênh tiêu Thạch Phú. Lưu vực 3 bao gồm phần ngoài đê của các xã Vạn Yên, xã Tiến Thịnh, xã Chu Phan, xã Thạch Đà, xã Hoàng Kim, xã Văn Khê và 1 phần xã Tráng Việt, tiêu tự chảy xuống sông Hồng.

Khi mực nước sông Cà Lồ thấp ( $H_{mnmax} \leq 8,0m$ ), nước mưa thoát tự chảy về mương tiêu Thạch Phú, ngòi Phù Trì rồi chảy ra sông Cà Lồ. Khi mực nước sông Cà Lồ cao ( $H_{mnmax} > 8,0m$ ) tiêu nước từ kênh Thạch Phú, ngòi Phù Trì cưỡng bức qua trạm bơm Thường Lệ 1 (CS: 6máy x4000m<sup>3</sup>/h) và trạm bơm Thường Lệ 2 (CS: 16máy x4000m<sup>3</sup>/h). Ngoài ra các lưu vực của vùng tiêu 1, được hỗ trợ tiêu nước bằng Trạm bơm đầu mối có vị trí tại xã Văn Khê (công suất: 24-52m<sup>3</sup>/s), nước được bơm động lực qua đê thoát ra sông Hồng.

\* Vùng tiêu 2: Nằm ở phía Nam huyện Mê Linh, diện tích 3497ha. Bao gồm phần lớn xã Tiên Phong, 1 phần các xã Thanh Lâm, xã Đại Thịnh, phía bắc xã Mê Linh và 1 phần phía nam thuộc thị trấn Quang Minh, Chi Đông. Hướng thoát nước chính về đầm Và và sông Hồng theo chế độ tự chảy và bơm cưỡng bức trạm bơm Văn Khê và hệ thống hồ điều hòa. Chia thành 2 lưu vực: Lưu vực 1 bao gồm phần lớn xã Tiên Phong, 1 phần các xã Thanh Lâm, xã Đại Thịnh, phía bắc xã Mê Linh và 1 phần phía nam thuộc thị trấn Quang Minh, Chi Đông, hướng thoát nước về kênh Tiên Phong và đầm Tiên Phong; 1 phần phía Nam xã Mê Linh và phần còn lại phía Nam xã Tiên Phong thoát nước về đầm Và. Lưu vực 2 bao gồm khu vực ngoài đê tả Hồng thuộc xã Tráng Việt, thoát nước ra sông Hồng.

\* Vùng tiêu 3: Nằm ở phía Bắc huyện Mê Linh có diện tích 2780ha. Bao gồm diện tích xã Kim Hoa, xã Thanh Lâm, thị trấn Chi Đông, phía Bắc đường sắt của thị trấn Quang Minh và khu vực phía bắc đường 23 của xã Đại Thịnh. Hướng thoát nước chính về sông Cà Lồ. Chia thành 2 lưu vực: Lưu vực 1 bao gồm khu vực xã Thanh Lâm, xã Kim Hoa thoát nước tự chảy về ngòi Thanh Lâm, ngòi Phù Trì rồi thoát ra sông Cà Lồ.



Lưu vực 2 bao gồm khu vực phía Đông Bắc thị trấn Quang Minh thoát nước tự chảy về kênh tiêu Kim Hoa, Quang Minh rồi chảy ra sông Cà Lồ.

+ Công thoát nước sử dụng hệ thống cống tròn và cống hộp BTCT. Riêng đối với các khu vực làng xóm cũ xây dựng các tuyến rãnh nắp đan, bố trí dọc theo các tuyến đường thôn, xóm... thu gom nước mưa sau đó thoát ra các tuyến cống chính trong khu vực. Các tuyến rãnh này cụ thể sẽ được xác định trong giai đoạn sau.

+ Các hồ điều hòa thoát nước được bố trí trong đất cây xanh, trên nguyên tắc tận dụng tối đa hệ thống mặt nước và khu đất trống hiện có đảm bảo diện tích hồ theo các quy hoạch đã được phê duyệt. Đối với các hồ ao hiện có trong khu vực làng xóm cần được bảo tồn, cải tạo để tạo cảnh quan môi trường và thoát nước cho khu vực.

- Quy hoạch san nền:

+ Cao độ nền: đối với khu dân dụng tối thiểu  $H_{xd} \geq 8,5m$ , đối với khu công nghiệp tối thiểu  $H_{xd} \geq 9,0m$ .

+ Cao độ tìm đường tại các ngã giao nhau được xác định trên cơ sở các cao độ đã khống chế, quy hoạch mạng lưới công thoát nước mưa, đảm bảo độ sâu chôn cống.

+ Cao độ nền các ô đất được thiết kế đảm bảo thoát nước tự chảy, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất.

+ Đối với các khu vực đã xây dựng, khu vực làng xóm cũ sẽ được san gạt cục bộ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước. Đối với các khu vực công viên cây xanh, hồ điều hòa được thực hiện theo dự án riêng.

c) Cấp nước:

- Tiêu chuẩn, nhu cầu cấp nước:

+ Tiêu chuẩn cấp nước tuân thủ theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội và các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt trong khu vực thiết kế.

+ Tổng nhu cầu cấp nước toàn huyện đến năm 2030:  $156.000 m^3/ng.đ$ , trong đó:

. Vùng cấp nước 1: khu vực đô thị: Phân khu đô thị N1, N2, N3, GN, R, GNC:  $122.000 m^3/ng.đ$  và các xã nông thôn ven đô thị: Tam Đồng, Hoàng Kim, Thanh Lâm, Đại Thịnh:  $9.000 m^3/ng.đ$ .

. Vùng cấp nước 2: khu vực nông thôn các xã Tiến Thịnh, Chu Phan, Vạn Yên, Thạch Đà, Liên Mạc, Tự Lập, Tiến Thắng:  $25.000 m^3/ng.đ$ .

- Nguồn nước và các công trình đầu mối:

+ Vùng cấp nước 1: dùng nguồn nước nhà máy nước Bắc Thăng Long; nhà máy nước mặt Sông Hồng và nhà máy nước Quang Minh 2:  $12.000 m^3/ng.đ$ . Trong giai đoạn nhà máy nước mặt Sông Hồng chưa đầu tư xây dựng, dùng nguồn nước nhà máy nước Mê Linh:  $40.000 m^3/ng.đ$  đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của huyện.

+ Vùng cấp nước 2: Nguồn nước cấp là nguồn nước ngầm trong khu vực kết hợp nước mặt sông Hồng. Xây dựng các trạm cấp nước cục bộ quy mô một xã hay nhiều xã. Các trạm cấp nước: Tiến Thịnh  $5.000 m^3/ng.đ$ , Tự Lập  $3.000 m^3/ng.đ$ , Tiến Thắng  $3.500 m^3/ng.đ$ .

- Mạng lưới đường ống:

+ Vùng cấp nước 1: Được cấp nước từ các nhà máy nước Bắc Thăng Long– Vân Trì và NMN Sông Hồng thông qua tuyến ống chuyển tải  $\Phi 1500mm$  dọc trục đường từ cầu Thượng Cát lên trung tâm hành chính Huyện; tuyến ống  $\Phi 800mm$  dọc trục đường từ cầu Bắc Thăng Long lên Huyện và tuyến ống  $\Phi 600mm$  dọc vành đai 4.



+ Vùng cấp nước 2: Đặt mới các tuyến ống truyền tải, phân phối dọc theo các trục đường chính của các xã, đường kính  $\Phi 90\text{mm}$  -  $\Phi 300\text{mm}$ .

d) Cấp điện:

- Nguồn cấp: khu vực được cấp nguồn từ 06 trạm biến áp 110/22kV trong khu vực nghiên cứu quy hoạch, bao gồm:

+ Trạm 110/22kV Quang Minh hiện có (công suất hiện trạng 1x63MVA, dự kiến 2x63MVA).

+ Trạm 110/22kV nổi cấp Vân Trì hiện có (công suất hiện trạng 1x63MVA, dự kiến 2x63MVA).

+ Trạm 110/22kV Quang Minh 2 (công suất 2x63MVA).

+ Trạm 110/22kV nổi cấp Mê Linh (công suất 2x63MVA).

+ Trạm 110/22kV Mê Linh 2 (công suất 2x63MVA).

+ Trạm 110/22kV Nam Hồng (công suất 2x40MVA).

- Mạng lưới cấp điện:

+ Trong khu vực đô thị trung tâm (phía Đông Vành đai 4): mạng lưới cấp điện tuân thủ quy hoạch phân khu đô thị N1 (đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/2/2013), N2 (đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 21/2/2013), N3 (đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 21/2/2013).

+ Ngoài khu vực đô thị trung tâm (phía Tây Vành đai 4): xây dựng các tuyến điện 220kV Mê Linh - Quốc Oai, 110kV Mê Linh - Phúc Yên đi nổi trên không. Điện trung thế: di chuyển, cải tạo các tuyến điện hiện có, xây dựng mới các tuyến điện chạy dọc các tuyến đường quy hoạch.

+ Đối với các khu vực đã có quy hoạch chi tiết hoặc các dự án đầu tư xây dựng, hệ thống cấp điện sẽ được thực hiện theo các quyết định của cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống chiếu sáng đèn đường được cấp nguồn từ các trạm biến áp công cộng. Cụ thể sẽ được xác định theo dự án cấp điện cho từng khu vực được cấp thẩm quyền phê duyệt.

e) Thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: khu vực được cấp nguồn từ HOST Mê Linh nằm trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch.

- Mạng lưới thông tin liên lạc:

+ Trong khu vực đô thị trung tâm (phía Đông Vành đai 4): mạng lưới cấp điện tuân thủ quy hoạch phân khu đô thị N1 (đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/2/2013), N2 (đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 21/2/2013), N3 (đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 21/2/2013).

+ Ngoài khu vực đô thị trung tâm (phía Tây Vành đai 4): xây dựng 02 trạm vệ tinh tổng dung lượng 10000 lines, xây dựng các tuyến cáp quang dọc các tuyến đường quy hoạch cấp nguồn thông tin đến các công trình.

f) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải: Khu vực đô thị trong vành đai 4 thực hiện theo quy hoạch phân khu đô thị N1, N2, N3, N4 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy hoạch phân khu đô thị GN đang nghiên cứu (Đại Thịnh - khoảng 19.000m<sup>3</sup>/ngđ; Tiền Phong - khoảng 48.000m<sup>3</sup>/ngđ; Sơn Du - khoảng 104.000m<sup>3</sup>/ngđ; Bắc Thăng Long - khoảng 116.000m<sup>3</sup>/ngđ).



*\* Lựa chọn hệ thống thoát nước:*

+ Đối với các khu dân cư cũ đã có hệ thống thoát nước: sử dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp (cống riêng và nửa riêng). Việc đầu nối hệ thống thoát nước thải giữa khu vực dân cư cũ với khu vực phát triển mới sẽ được khảo sát thực tế và nghiên cứu trong các đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết.

+ Các khu vực phát triển mới, chưa có hệ thống thoát nước, sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, xử lý nước thải tập trung.

+ Các khu vực đã lập dự án, hệ thống thu gom và xử lý nước thải được thực hiện theo dự án riêng.

+ Các điểm dân cư nông thôn xây dựng hệ thống thoát nước chung, tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng; ao, hồ để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên.

+ Nước thải y tế, nước thải công nghiệp phải được thu gom theo hệ thống riêng và phải xử lý đến giới hạn cho phép trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

+ Khu du lịch: xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến. Nước thải sau các bể này sẽ được xử lý triệt để bằng hệ thống hào lọc hoặc tận dụng lại để tưới cây, rửa đường...

*\* Yêu cầu về chất lượng nước thải sau xử lý:* Chất lượng nước thải sau khi xử lý phải đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam quy định cho từng loại nước thải và nguồn tiếp nhận.

- Quản lý chất thải rắn:

+ 100% chất thải rắn được thu gom, phân loại tại nguồn, trên phạm vi toàn huyện. Cơ bản phân thành 3 loại chính: chất thải rắn có thể thu hồi để tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn phải xử lý và chất thải rắn không xử lý.

+ Khu vực đô thị, chất thải rắn được thu gom tập trung bằng mạng lưới xe, thùng thu gom tại những vị trí cố định vào thời gian cố định, sau đó tập kết đến trạm trung chuyển rồi vận chuyển đến Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Sơn.

+ Khu vực nông thôn, chất thải rắn được thu gom tập trung, vận chuyển đến các trạm trung chuyển gần nhất của xã, ưu tiên xử lý tại chỗ, sử dụng mô hình ủ phân tại chỗ, biogas, sản xuất khép kín VAC...

+ Chất thải rắn công nghiệp phải được phân loại triệt để tại nguồn thải theo đúng tính chất (thông thường và nguy hại); thu gom, vận chuyển theo kênh riêng đến khu xử lý tập trung.

+ Thu gom 100% chất thải rắn y tế không nguy hại, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt đô thị. Chất thải rắn y tế nguy hại phải được xử lý ngay tại cơ sở y tế rồi mới đưa đi đi chôn lấp.

+ Xây dựng trạm trung chuyển cỡ vừa cố định cho khu vực đô thị Mê Linh tại xã Thanh Lâm. Quy mô khoảng 1,5ha, bán kính phục vụ 12,5km.

+ Đối với khu vực nông thôn, mỗi xã xây dựng 1 điểm trung chuyển chất thải rắn, quy mô mỗi điểm trung chuyển từ 200-500 m<sup>2</sup>.

+ Dự kiến đến năm 2030, xây dựng bãi đổ chất thải rắn xây dựng tại xã Tiến Thắng khoảng 4ha.

- Nghĩa trang:

+ Khu vực đô thị: sử dụng các nghĩa trang hiện có đến hết diện tích thì ngừng hung táng, trồng cây xanh, cải tạo thành nghĩa trang công viên. Chuyển đổi sử dụng đất thành



đất cây xanh đô thị theo định hướng quy hoạch sử dụng đất. Cải tạo nghĩa trang Thanh Tước, mở rộng quy mô đến 2030 là khoảng 23ha, hình thức là cát táng.

+ Khu vực nông thôn: các nghĩa trang phân tán khu vực nông thôn có quy mô nhỏ, không đủ khoảng cách ly theo quy chuẩn, hoặc nằm trong quy hoạch sử dụng đất phải có kế hoạch ngừng hung táng, trồng cây xanh cách ly. Khi có nhu cầu sử dụng đất, có thể di chuyển đến nghĩa trang tập trung ở các xã theo quy hoạch. Quy hoạch hệ thống nghĩa trang cho từng xã hoặc cụm xã theo quy định, đảm bảo khoảng cách ATVMT theo quy định.

+ Dự kiến đến năm 2030, xây dựng 2 nhà tang lễ với tổng quy mô khoảng 1,5ha (Nhà tang lễ Thanh Lâm diện tích khoảng 1ha, Nhà tang lễ Bệnh viện đa khoa 1000 giường diện tích khoảng 0,5ha).

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Tuân thủ theo Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và công văn số 393/CCMT-TĐ ngày 05/5/2014 của Chi cục bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, tỷ lệ 1/10.000.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Tạo hành lang bảo vệ sông hồ. Cấm mọi hình thức xả thải không qua xử lý trực tiếp ra nguồn.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí tiếng ồn: Trồng cây xanh cách ly quanh khu vực bến xe, trạm xử lý nước thải, các khu công nghiệp tập trung, các tuyến đường giao thông lớn...

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất: Sử dụng đất một cách hợp lý, phân đợt đầu tư, khi chưa có kế hoạch phát triển cần khai thác tiếp tục diện tích đất lúa.

- Giảm thiểu ảnh hưởng khu xử lý rác thải Nam Sơn và nghĩa trang Thanh Tước.

- Giảm thiểu ảnh hưởng tai biến môi trường; Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường.

- Các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thị trấn phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

Giai đoạn trước mắt (2014-2010) tập trung vào các dự án cụ thể đã được xác định ưu tiên đầu tư tại Quyết định số 3947/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mê Linh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Phần lớn quỹ đất thuộc phân khu đô thị sẽ nằm trong quy hoạch xây dựng đợt đầu. Một phần được phát triển ở giai đoạn sau, bao gồm: khu vực nghiên cứu và các cơ sở công nghiệp, kho tàng, nhà máy, xí nghiệp không phù hợp với quy hoạch phân khu này, dần từng bước chuyển đổi chức năng cho phù hợp.

- Cải tạo, hoàn chỉnh, xây dựng mới các khu vực: Khu công nghiệp Quang Minh 1; Khu Nhà ở cho công nhân thuê; Khu cây xanh phía Bắc Khu công nghiệp; các công trình dịch vụ, điều hành Khu công nghiệp Quang Minh 2. Đối với khu vực xây dựng đợt sau: đầu tư xây dựng các công trình nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp Quang Minh 2. Việc đầu tư xây dựng các công trình nhà máy, xí nghiệp tại đây phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương và khu vực.

- Một số dự án hạ tầng xã hội và đô thị ưu tiên đầu tư gồm:

+ Dự án cụm công trình công cộng thương mại dịch vụ, chợ đầu mối nông sản...tạo động lực phát triển chính cho phân khu đô thị làm cơ sở chuyển dịch ngành nghề lao



động, phục vụ chuyên đổi nghề để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và giải quyết nhu cầu chuyển đổi cơ cấu lao động.

+ Dự án phát triển các khu đô thị mới để đáp ứng nhu cầu nhà ở của nhân dân và tạo bộ mặt đô thị, trong đó ưu tiên cho các nhu cầu di dân và dẫn dân tại chỗ.

+ Dự án xây dựng nhà ở cho công nhân thuê đáp ứng nhu cầu giai đoạn trước mắt cho khu công nghiệp.

+ Xây dựng công trình hạ tầng xã hội phục vụ cho khu vực dân cư hiện có.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đợt đầu được nghiên cứu, phát triển đồng bộ với quy hoạch sử dụng đất. Một số dự án hạ tầng kỹ thuật ưu tiên đầu tư đồng bộ, gồm: Hoàn chỉnh tuyến đường chính đô thị mặt cắt ngang 100m và 60m đường Bắc Thăng Long – Nội Bài; Hoàn chỉnh và xây dựng đồng bộ tuyến đường vành đai 4; Xây dựng các tuyến giao thông kết nối tuyến đường chính đô thị với tuyến đường vành đai phân khu đô thị; Cải tạo nâng cấp Ga Thạch Lỗi và đường sắt Hà Nội - Lào Cai. Từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trong đó ưu tiên lập các dự án cải tạo nâng cấp mạng đường giao thông khu vực làng xóm và dân cư hiện có; Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối: trạm bơm, trạm xử lý nước thải, hồ điều hòa, hệ thống mương thoát nước; Mở rộng nghĩa trang Thanh Tước theo quy hoạch.

- Tiếp tục triển khai các chương trình dự án gắn với chương trình nông thôn mới của Thủ đô. Trong đó ưu tiên các dự án về hạ tầng thúc đẩy sản xuất như giao thông, thủy lợi, chuyển đổi canh tác sản xuất.

- Triển khai dự án nâng cấp, cải tạo đê điều, sông Hồng, sông Cà Lồ, các giải pháp phòng chống lũ lụt và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, mặt bằng khu cụm tiểu thủ công nghiệp, cụm đổi mới làm động lực thúc đẩy chuyển dịch phương thức sản xuất từ thuần nông sang sản xuất hàng hóa chất lượng cao, sạch, gắn với công nghệ hiện đại, sử dụng máy móc, ít lao động.

- Hình thành cụm đổi mới tại xã Tam Đồng.

- Ưu tiên phát triển hệ thống dạy nghề để phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

#### 11. Quy định quản lý:

- Việc quản lý quy hoạch đô thị, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng công trình cần tuân thủ quy hoạch và các “Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000” được ban hành kèm theo hồ sơ quy hoạch này. Ngoài ra còn phải tuân thủ quy định theo Luật pháp và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố; tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Trong quá trình triển khai quy hoạch xây dựng có thể áp dụng các tiêu chuẩn, quy phạm nước ngoài và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia chịu trách nhiệm về các số liệu trình duyệt của đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/10000.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm kiểm tra, ký xác nhận hồ sơ, bản vẽ Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/10.000 và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh theo đúng quy định, phù hợp với nội dung Quyết định này; Chủ trì phối hợp với UBND huyện Mê Linh tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh được duyệt để các tổ chức,



ơ quan và nhân dân biết, thực hiện; lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc và các Sở, Ngành liên quan và UBND huyện Mê Linh xây dựng cơ chế chính sách để thực hiện Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, tỷ lệ 1/10.000 được duyệt theo tiến độ và trình tự ưu tiên của từng giai đoạn; chịu trách nhiệm đảm bảo kế hoạch triển khai những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì phối hợp với UBND huyện Mê Linh lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, tỷ lệ 1/10.000 được duyệt, triển khai thực hiện các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động thực hiện kế hoạch giám sát môi trường theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện Mê Linh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Lao động Thương Binh và xã hội; Công an Thành phố; Cảnh sát PCCC; Bộ Tư lệnh Thủ đô; Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội; Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia; Chủ tịch UBND huyện Mê Linh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ngành, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP (để b/c);
- Chủ tịch UBND TP;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- VPUBTP: CVP, các đ/c PCVP, các ph.CV;
- Lưu VT ( 50 bản), QH<sub>Hàng(01)</sub>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Thảo